

ĐỀ SỐ 5

MÔN TIẾNG ANH

Thời gian làm bài: 45 phút (Không kể thời gian giao đề)

Câu I. Hãy nghe và chọn câu trả lời đúng A, B, hoặc C. Bạn sẽ nghe 2 lần. (1 điểm)

1. Whose birthday is it today?

A. Mary's B. John's C. Tom's

2. What time does the birthday party start?

A. At 4:00 p.m. B. At 5:00 p.m. C. At 6:00 p.m.

3. What kind of cake did they have?

A. A chocolate cake B. A strawberry cake C. A vanilla cake

4. What did they do after eating the cake?

A. They watched a movie. B. They played games. C. They sang songs.

Câu II. Hãy nghe cuộc hội thoại và xác định những câu dưới là ĐÚNG (True) hoặc SAI (False) bằng cách Tick vào cột tương ứng. Bạn sẽ nghe cuộc hội thoại 2 lần. (1 điểm)

No	Statements	True	False
1	Emma got a new pet dog yesterday.		
2	The pet's name is Snowball.		
3	Her pet likes eating fish.		
4	Emma usually plays with her pet in the morning.		

Câu III. Khoanh tròn một phương án A, B, C hoặc D ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với các từ còn lại. (1,0 điểm)

- | | | | |
|--------------|------------|-----------|------------|
| 1. A. apples | B. oranges | C. buses | D. classes |
| 2. A. make | B. take | C. bad | D. cake |
| 3. A. looked | B. missed | C. called | D. watched |
| 4. A. knife | B. know | C. knee | D. king |

Câu IV. Khoanh tròn một phương án đúng A, B, C hoặc D để hoàn thành các câu sau. (3.0 điểm)

1. We have a long holiday _____ summer.
A. on B. in C. at D. for
2. My sister has _____ umbrella. She bought it yesterday.
A. a B. an C. the D. some
3. Be quiet! The baby _____ in the bedroom.
A. sleep B. sleeps C. is sleeping D. slept
4. A _____ is a person who cooks food in a restaurant.
A. teacher B. doctor C. chef D. farmer
5. What does this sign mean? (*Biển báo: Hình người bơi lội bị gạch chéo*)
A. You can swim here.
B. You must not swim here.
C. You can fish here.
D. You must drink water here.
6. " _____ apples are there in the fridge?" - "There are five."
A. How much B. How many C. How long D. How often
7. My new house is _____ than my old house.
A. big B. bigger C. biggest D. more big

8. This is my pen. Please give it to _____.
A. my B. mine C. I D. me
9. I usually get up at 6:30. It means I get up at _____.
A. half past six B. thirty to six
C. a quarter past six D. six half
10. I like playing football, _____ my brother likes playing tennis.
A. so B. because C. but D. or
11. You _____ do your homework before watching TV.
A. must B. shouldn't C. mustn't D. can't
12. The cat is sleeping _____ the table.
A. in B. under C. above D. between

Câu V. Khoanh tròn một phương án đúng A, B, C hoặc D để điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau. (1.0 điểm)

My favorite sport is football. I usually play it with my friends in the park near my house. We play football every weekend. I am in the school football (1) _____. We practice every Tuesday and Thursday afternoon. Playing football is very good (2) _____ our health. It helps us stay strong and fast. When we play, we have to run a lot, so we get very tired but (3) _____. I hope to become a famous football player (4) _____ the future.

1. A. class B. team C. group D. room
2. A. for B. at C. in D. to
3. A. sad B. angry C. happy D. bored
4. A. on B. in C. at D. for

Câu VI. Đọc đoạn văn sau đây và chọn đáp án đúng nhất để trả lời cho các câu hỏi sau. (1 điểm)

Tokyo is the capital of Japan and one of the largest cities in the world. Millions of people live and work there. The city is famous for its modern buildings, busy streets, and beautiful cherry blossoms in spring. In Tokyo, you can visit many interesting places like the Tokyo Tower and ancient temples. The transport system is

excellent, with fast and clean trains. Although Tokyo is a very crowded and noisy city, the streets are always very clean. People in Tokyo are friendly and polite.

Questions:

1. What is Tokyo famous for in spring?
A. Modern buildings B. Clean trains
C. Cherry blossoms D. Ancient temples
2. Which place can you visit in Tokyo?
A. Big Ben B. The Eiffel Tower
C. The Tokyo Tower D. The Statue of Liberty
3. How is the transport system in Tokyo?
A. Slow and dirty B. Fast and clean
C. Bad and noisy D. Cheap and old
4. According to the passage, what are the streets in Tokyo like?
A. Crowded and dirty B. Quiet and clean
C. Noisy and dirty D. Crowded but clean

Câu VII. Viết lại câu thứ hai sao cho không thay đổi nghĩa so với câu đã cho. (1,0 điểm)

1. The blue dress is cheaper than the red dress.
=> The red dress is
2. There are four people in my family.
=> My family has
3. How about going to the zoo this Sunday?
=> Let's

4. I started playing the piano two years ago.

=> I have

Câu VIII. Dùng từ gợi ý, hãy viết hoàn chỉnh các câu dưới đây. (1.0 điểm)

1. What / weather / like / today ?

=>

2. She / have / breakfast / 6 a.m / every morning.

=>

3. They / plant / trees / school garden / now.

=>

4. We / should / eat / lot of / fruit / vegetables.

=>

ĐỀ SỐ 6

MÔN TIẾNG ANH

Thời gian làm bài: 45 phút (Không kể thời gian giao đề)

Câu I. Hãy nghe và chọn câu trả lời đúng A, B, hoặc C. Bạn sẽ nghe 2 lần. (1 điểm)

- 1. What does the man order for his main course?**

A. Steak

B. Fish

C. Chicken